



HAGL Group

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2011



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 31



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2011

801-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.186.817.931	7.715.420.819
110	I. Tiền		2.060.168.493	2.634.154.476
111	1. Tiền	4	2.060.168.493	2.634.154.476
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.567.948.427	4.640.927.654
131	1. Phải thu khách hàng	6	448.236.130	343.375.814
132	2. Trả trước cho người bán	7	278.608.402	46.644.861
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.841.103.895	4.250.906.979
140	IV. Hàng tồn kho		430.843.877	298.168.353
141	1. Hàng tồn kho	9	430.843.877	298.168.353
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		46.073.894	60.387.096
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.383.179	41.633.046
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.827.824	10.363.103
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		346.457	650.450
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	16.516.434	7.740.497
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.737.783.206	5.159.283.388
220	I. Tài sản cố định		607.586.219	617.453.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	376.876.178	358.923.916
222	Nguyên giá		435.052.485	406.217.359
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.176.307)	(47.293.443)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.285.246	74.463.899
228	Nguyên giá		75.621.707	75.432.978
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.336.461)	(969.079)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	156.424.795	184.065.669
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		5.964.289.168	4.504.839.003
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	5.546.983.030	4.099.825.765
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	25.500.000	25.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	391.806.138	379.513.238
260	III. Tài sản dài hạn khác		165.907.819	36.990.901
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	159.167.468	27.674.469
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.127.251	7.703.332
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.924.601.137	12.874.704.207

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

B01-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.710.510.541	3.843.644.861
310	I. Nợ ngắn hạn		1.967.513.043	2.959.416.013
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.014.366.124	2.259.196.966
312	2. Phải trả cho người bán		117.791.268	110.657.112
313	3. Người mua trả tiền trước	18	118.732.777	46.777.812
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	242.915.937	181.309.437
315	5. Phải trả công nhân viên		6.637.174	3.775.534
316	6. Chi phí phải trả	20	219.537.782	83.598.661
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	159.917.609	165.870.540
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		87.614.372	108.229.951
330	II. Nợ dài hạn		3.742.997.498	884.228.848
333	1. Phải trả dài hạn khác		992.154	984.754
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	3.741.830.986	883.069.736
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		174.358	174.358
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.214.090.596	9.031.059.346
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	9.214.090.596	9.031.059.346
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		230.051.745	210.865.390
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.421.637.646	2.192.352.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.924.601.137	12.874.704.207


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B02-DN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	185.921.798	544.524.104	301.506.865	858.879.366
02	2. Các khoản giảm trừ	24.1	(83.388)	(112.896)	(162.641)	(184.323)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	185.838.410	544.411.208	301.344.224	858.695.043
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(152.992.065)	(234.569.180)	(250.787.355)	(445.542.810)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.846.345	309.842.028	50.556.869	413.152.233
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	154.629.614	246.386.808	620.757.987	931.704.143
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	26	(238.616.012)	(58.097.559)	(295.947.432)	(109.845.836)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(235.222.025)	(57.806.416)	(288.264.313)	(109.230.609)
24	8. Chi phí bán hàng		(15.566.344)	(9.190.905)	(26.825.271)	(19.539.690)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(31.795.485)	(19.788.894)	(48.700.398)	(34.376.551)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(98.501.882)	469.151.478	299.841.755	1.181.094.299
31	11. Thu nhập khác	27	1.914.843	5.579.010	2.088.878	5.979.101
32	12. Chi phí khác	27	(9.534.175)	(3.000.773)	(10.829.556)	(7.801.255)
40	13. Lỗ khác	27	(7.619.332)	2.578.237	(8.740.678)	(1.822.154)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B02-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		(106.121.214)	471.729.715	291.101.077	1.179.272.145
51	15. Thuế TNDN hiện hành		-	(100.724.847)	(81.019.892)	(178.217.958)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại		(8.230.121)	(15.662.851)	(2.576.081)	(1.204.319)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		(114.351.335)	355.342.017	207.505.104	999.849.868



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B03-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		291.101.077	1.179.272.145
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		11.256.549	23.604.807
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện		(25.120.800)	(8.944.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(593.468.074)	(862.969.165)
06	Chi phí lãi vay	26	288.264.313	109.230.609
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(27.966.935)	440.194.052
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		69.495.290	(205.401.516)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(132.675.524)	104.640.049
11	Tăng các khoản phải trả		70.488.281	240.587.666
12	Giảm chi phí trả trước		92.669.540	24.608.956
13	Tiền lãi vay đã trả		(113.033.635)	(123.393.492)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.000.000)	(53.907.032)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.089.433)	(26.050.619)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(96.112.416)	401.278.064
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(46.165.099)	(149.233.721)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		48.153	1.838.675
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(593.343.400)	(777.218.988)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.766.014.793)	(747.262.286)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		345.277.707	667.894.598
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.306.129	44.719.404
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.905.891.303)	(959.262.318)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.722.144.278	717.885.758
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.294.126.542)	(501.936.932)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.428.017.736	215.948.826

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B03-DN


Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(573.985.983)	(342.035.428)
60	Tiền đầu kỳ		2.634.154.476	1.297.566.342
70	Tiền cuối kỳ	4	2.060.168.493	955.530.914



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B09-DN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 39 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý II năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển rừng cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.14 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 *Trích trước trợ cấp thôi việc*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu căn hộ

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi ngân hàng	2.059.109.743	2.633.291.450
Tiền mặt tại quỹ	1.054.801	859.917
Tiền đang chuyển	3.949	3.109
Tổng cộng	2.060.168.493	2.634.154.476

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghĩ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	252.199.922	240.672.081
Phải thu tiền bán căn hộ	150.047.888	102.703.733
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	45.988.320	-
Tổng cộng	448.236.130	343.375.814

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước để nhận chuyển nhượng vốn góp	225.000.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	53.608.402	46.644.861
Tổng cộng	278.608.402	46.644.861

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải thu các công ty con	4.626.806.662	4.136.019.802
Cho vay ngắn hạn các công ty	37.971.202	41.668.305
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	51.939.999	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	34.726.423	22.243.829
Các khoản khác	89.659.609	16.489.208
Tổng cộng	4.841.103.895	4.250.908.979

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	306.995.815	238.333.646
Thành phẩm	655.185	1.139.533
Hàng hóa	2.148.030	2.388.516
Sản phẩm dở dang	47.383.485	40.048.638
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	24.865.256	22.943.153
Sản xuất	20.381.865	17.105.485
Dịch vụ	2.136.364	-
Nguyên vật liệu	58.377.002	14.248.338
Vật liệu xây dựng	13.286.028	-
Công cụ, dụng cụ	1.998.332	2.009.682
Tổng cộng	430.843.877	298.168.353

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	16.466.314	7.690.377
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	16.516.434	7.740.497

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VNĐ						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	301.951.023	39.354.238	51.803.629	3.001.138	6.698.345	3.408.986	406.217.359
Tăng trong kỳ	5.311.302	9.496.147	15.038.823	460.486	-	122.486	30.429.244
Giảm trong kỳ	-	(1.594.118)	-	-	-	-	(1.594.118)
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	307.262.325	47.256.267	66.842.452	3.461.624	6.698.345	3.531.472	435.052.485
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	(25.053.870)	(9.743.433)	(9.442.356)	(1.101.118)	(941.956)	(1.010.710)	(47.293.443)
Tăng trong kỳ	(4.624.982)	(2.686.855)	(3.290.799)	(405.425)	(84.482)	(161.111)	(11.253.654)
Giảm trong kỳ	-	255.209	115.581	-	-	-	370.790
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	(29.678.852)	(12.175.079)	(12.617.574)	(1.506.543)	(1.026.438)	(1.171.821)	(58.176.307)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>276.897.153</u>	<u>29.610.805</u>	<u>42.361.273</u>	<u>1.900.020</u>	<u>5.756.389</u>	<u>2.398.276</u>	<u>358.923.916</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>277.583.473</u>	<u>35.081.188</u>	<u>54.224.878</u>	<u>1.955.081</u>	<u>5.671.907</u>	<u>2.359.651</u>	<u>376.876.178</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	72.017.005	3.415.973	75.432.978
Tăng trong kỳ	-	188.729	188.729
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	72.017.005	3.604.702	75.621.707
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	(969.079)	(969.079)
Tăng trong kỳ	-	(367.382)	(367.382)
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	-	(1.336.461)	(1.336.461)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	72.017.005	2.446.894	74.463.899
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	72.017.005	2.268.241	74.285.246

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	92.413.554	159.442.269
Chi phí trồng cây cao su	23.361.444	24.085.690
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	38.684.599	
Các công trình xây dựng khác	1.965.198	537.710
Tổng cộng	156.424.795	184.065.669

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	83,71	1.684.712.247	88,21	1.775.279.247
Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	99,00	1.784.419.064	99,00	484.571.924
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	83,70	837.000.000	83,70	837.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	98,80	1.004.495.295	98,80	722.968.795
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	88,18	100.986.248	88,18	100.986.248
Các Công ty con đã tái cấu trúc xong trong kỳ						
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	-	-	100,00	47.043.575
Các Công ty con chưa tái cấu trúc xong						
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	53.424.959	51,00	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL (i)	Bệnh viện	Trước hoạt động	46,20	34.534.417	46,20	31.140.217
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Tổng cộng				5.546.983.030		4.099.825.765

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	13.000.000	42,04	13.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			25.500.000		25.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	81.183.513	81.183.513
Cho vay Chính phủ Lào (i)	293.112.584	280.819.684
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
Tổng cộng	391.806.138	379.513.238

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ
Số nợ gốc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14.833.070,13
Số đã thu trong kỳ	616.725,95
Số dư nợ gốc ngày 30 tháng 6 năm 2011	14.216.344,18

Trong kỳ, Công ty đã nhận được gỡ trả nợ từ Chính phủ Lào với giá trị là 616.725,95 Đô la Mỹ.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Số dư đầu kỳ	27.674.469	35.327.543
Tăng trong kỳ	152.381.066	5.081.646
	180.055.535	40.409.189
Chi phí phân bổ trong kỳ	(20.888.067)	(13.006.188)
Điều chuyển sang tài khoản khác	-	(665.076)
Số dư cuối kỳ	159.167.468	26.737.925

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	558.765.654	733.035.138
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	455.600.470	426.161.828
Tổng cộng	1.014.366.124	2.259.196.966

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	115.483.180	38.196.406
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	3.249.597	8.581.406
Tổng cộng	118.732.777	46.777.812

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	236.999.241	179.489.201
Thuế giá trị gia tăng	454.162	934.767
Thuế thu nhập cá nhân	671.617	737.024
Các khoản phải nộp khác	4.790.917	148.445
Tổng cộng	242.915.937	181.309.437

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	211.926.740	79.381.458
Các khoản khác	7.611.042	4.217.203
Tổng cộng	219.537.782	83.598.661

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÁN HẠN KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả các công ty con	143.449.738	142.832.243
Phải trả các công ty khác	9.500.000	9.500.000
Các khoản khác	6.967.871	13.538.297
Tổng cộng	159.917.609	165.870.540

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu quốc tế	1.785.582.299	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Trái phiếu thường	880.000.000	880.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	431.849.157	429.231.564
Tổng cộng	4.197.431.456	1.309.231.564
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	<i>455.600.470</i>	<i>426.161.828</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>3.741.830.986</i>	<i>883.069.736</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngân VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)	3.115.206.970	3.504.012.140	8.622.737	210.865.390	2.192.352.109	9.031.059.346
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	207.505.104	207.505.104
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ:						
Dự phòng tài chính	-	-	-	19.186.355	(19.186.355)	-
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(19.186.355)	(19.186.355)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.287.499)	(5.287.499)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	230.051.745	1.421.637.646	9.214.090.596



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	185.921.798	544.524.104	301.506.865	858.879.366
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	122.931.013	467.215.584	176.605.558	515.914.915
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	34.909.774	45.970.623	65.483.409	290.378.915
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	26.016.531	23.973.796	49.912.377	41.142.815
<i>Doanh thu căn hộ</i>	2.064.480	7.364.101	9.505.521	11.442.721
Trừ	83.388	112.896	162.641	184.323
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	83.388	111.900	162.641	183.327
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	996	-	996
Doanh thu thuần	185.838.410	544.411.208	301.344.224	858.695.043
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	122.931.013	467.215.584	176.605.558	515.914.915
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	34.909.774	45.970.623	65.483.409	290.378.915
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	25.933.143	23.860.900	49.749.736	40.958.492
<i>Doanh thu căn hộ</i>	2.064.480	7.364.101	9.505.521	11.442.721



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	129.696.314	359.433.000	297.090.628
Lãi cho vay các công ty con	64.673.483	33.370.416	116.054.749	69.588.032
Lãi tiền gửi ngân hàng	63.725.880	17.937.623	119.039.987	40.190.546
Cổ tức nhận được	-	750.000	-	460.202.482
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.120.800	10.051.497	25.120.800	10.051.497
Các khoản khác	1.109.451	54.580.958	1.109.451	54.580.958
Tổng cộng	154.629.614	246.386.808	620.757.987	931.704.143

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	101.779.836	190.733.075	148.035.061	246.531.519
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	31.974.059	20.807.140	60.919.592	159.987.928
Giá vốn dịch vụ cung cấp	17.751.397	16.687.945	34.410.586	29.208.487
Giá vốn căn hộ	1.486.773	6.341.020	7.422.116	9.814.876
Tổng cộng	152.992.065	234.569.180	250.787.355	445.542.810



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	235.222.025	57.806.416	288.264.313	109.230.609
Chi phí khác	3.393.987	291.143	7.683.119	615.227
Tổng cộng	238.616.012	58.097.559	295.947.432	109.845.836

27. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.914.843	5.579.010	2.088.878	5.979.101
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	1.776.766	48.153	1.838.675
Tiền thu bán phế liệu	-	9.027	-	234.307
Các khoản khác	1.914.843	3.793.217	2.040.725	3.906.119
Chi phí khác	(9.534.175)	(3.000.773)	(10.829.556)	(7.801.255)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	(1.343.514)	(48.153)	(5.941.198)
Giá vốn phế liệu	-	-	-	(202.798)
Các khoản khác	(9.534.175)	(1.657.259)	(10.781.403)	(1.657.259)
Lãi/ (lỗ) thuần	(7.619.332)	2.578.237	(6.740.678)	(1.822.154)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN

28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Bảng CĐKT ngày 31/12/2010	Điều chỉnh hồi tố	Số dư sau điều chỉnh hồi tố
Tài sản ngắn hạn	7.693.586.478	21.834.341	7.715.420.819
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.650.209.893</i>	<i>(9.282.239)</i>	<i>4.640.927.654</i>
Phải thu khách hàng	352.658.053	(9.282.239)	343.375.814
Hàng tồn kho	267.056.283	31.112.070	298.168.353
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>60.382.586</i>	<i>4.510</i>	<i>60.387.096</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	41.628.536	4.510	41.633.046
Tài sản dài hạn	5.159.054.257	229.131	5.159.283.388
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>36.761.770</i>	<i>229.131</i>	<i>36.990.901</i>
Chi phí trả trước dài hạn	27.445.338	229.131	27.674.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12.852.640.735	22.063.472	12.874.704.207
Nợ phải trả	3.810.648.566	32.996.295	3.843.644.861
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>2.921.219.607</i>	<i>38.196.406</i>	<i>2.959.416.013</i>
Người mua trả tiền trước	8.581.406	38.196.406	46.777.812
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>889.428.959</i>	<i>(5.200.111)</i>	<i>884.228.848</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.200.111	(5.200.111)	-
Vốn chủ sở hữu	9.041.992.169	(10.932.823)	9.031.059.346
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.203.284.932	(10.932.823)	2.192.352.109
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12.852.640.735	22.063.472	12.874.704.207

Việc áp dụng thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến số liệu so sánh Quý II/2010 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty mẹ.

37
HAI
G
TEI

29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến Hạn: Ngày đến hạn ban đầu là ngày 31 tháng 8 năm 2011 được điều chỉnh thành ngày 31 tháng 8 năm 2013 với quyền gia hạn thêm 1 hoặc 2 năm theo sự lựa chọn của chủ sở hữu Trái Phiếu với cùng điều khoản và điều kiện.
- ▶ Giá Chuyển Đổi: 44.917 VNĐ/một cổ phần (là giá chuyển đổi ban đầu (67.375 VNĐ/một cổ phần) được điều chỉnh xuống tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu thưởng (ngày 21/01/2011) với tỷ lệ 2:1) và phụ thuộc vào Điều Khoản Chống Pha Loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3% một năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thuật Việt Nam, và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển Đổi Và Điều Khoản Chống Pha Loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của HAG từ ngày 1 tháng 3 năm 2013 cho đến Ngày Đến Hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.

Ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thỏa thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

$Lãi\ suất = 5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái})$.

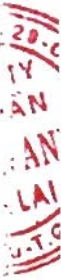
"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VNĐ do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu ("Ngày Phát Hành") đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

$Lãi\ Suất = 5\% \times (1+y)^n$

trong đó "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công Ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công Ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%.

"n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Phát Hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN


29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công Ty Cổ Phần Cao Su HAGL do Công Ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công Ty Cổ Phần Cao Su HAGL hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Phát Hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Phát Hành.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc